TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 9 - 2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Đoàn;

Ông Trần Huy Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Như C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị Như C trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 2011, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau. Sau khi chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cải vả với nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Hiện anh N đã có người phụ nữ khác. Do cuộc sống vợ chồng không tìm được hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Ân Đ, sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/12/2013. Do con chung tên Ân Đ có nguyện vọng sống với chị nên chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lâm Thị Như C khởi kiện anh Nguyễn Văn N về ly hôn, yêu cầu nuôi con, tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Nhẫn đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo, triệu tập tham gia tố tụng nhưng anh N vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Như C và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã Khánh Tiến, huyện M, tỉnh Cà Mau theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Như C và anh Nguyễn Văn N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Như C nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu yêu cầu ly hôn với anh N. Đối với yêu cầu của chị Như C, anh N mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý, triệu tập của Tòa án vắng mặt và anh N không có ý kiến đối với yêu cầu cầu ly hôn của chị Như C. Tại phiên tòa, chị Như C xác định không còn tình cảm với anh N và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Như C và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lâm Thị Như C ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Chị Như C và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Ân Đ, sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/12/2013. Quá trình tố tụng, cháu Ân Đ có nguyện vọng sống với chị Như C, tại phiên tòa, chị Lâm Thị Như C yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Như H, hiện nay do chị Lâm Thị Như C trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Ân Đ có nguyện vọng được sống cùng với chị Như C, chị Như C cũng yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Quá trình tố tụng anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Như C về con chung. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử giao hai con chung tên Nguyễn Ân Đ, sinh ngày 19/01/2010

và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Như C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Như C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: chị Lâm Thị Như C xác định không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ: Chị Lâm Thị Như C xác định chị và anh N không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lâm Thị Như C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Như C được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ân Đ, sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Lâm Thị Như C trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lâm Thị Như C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị Lâm Thị Như C đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004211 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng